TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 705/TLST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2022/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N

Trụ sở: Đường P, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh: Đường K, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông T, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 059295.22 ngày 06/6/2022).

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH X

Trụ sở: Đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N trình bày:

Ngày 30/6/2017, Ngân hàng N ký với Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 với nội dung:

Số tiền giải ngân: 672.000.000 (Sáu trăm bảy mươi hai triệu) đồng;

Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO;

Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 04/7/2017 đến ngày 03/7/2024;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng N tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,99%/năm, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng N tại từng thời kỳ.

Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 8.000.000 đồng vào ngày 03;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 3, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 03/8/2017;

Trả phí: theo quy định của Ngân hàng N từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 19/7/2022, Công ty X đã thanh toán cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 số tiền là 217.029.759 đồng (trong đó: nợ gốc là 136.000.000 đồng, lãi là 81.029.759 đồng).

Ngân hàng N đã giải ngân cho Công ty X theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0034.KUNN.VIB604.17 ngày 03/7/2017 với số tiền 672.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Ngày 05/7/2017, tiếp tục Ngân hàng N ký với Công ty X Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 với nội dung:

Số tiền giải ngân 712.000.000 (Bảy trăm mười hai triệu) đồng;

Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO;

Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/7/2024;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng N tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,99%/năm, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng N tại từng thời kỳ.

Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 8.480.000 đồng vào ngày 03;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 06, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 06/8/2017;

Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng N từng thời kỳ;

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 19/7/2022, Công ty X đã thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 231.467.956 đồng (trong đó: nợ gốc là 157.816.072 đồng, nợ lãi là 73.651.884 đồng).

Do đó, Ngân hàng N kính đề nghị Tòa án nhân dân Quận 3 buộc Công ty X phải trả ngay cho Ngân hàng N số tiền (tạm tính đến ngày 19/7/2022) là 1.864.894.122 *(Một tỷ, tám trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi hai)* đồng, trong đó gồm có:

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017 là 902.364.040 đồng, trong đó: Nợ gốc là 536.000.000 đồng, nợ lãi là 366.364.040 đồng;

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017 là 962.530.082 đồng, trong đó: Nợ gốc là 554.183.928 đồng, nợ lãi là 408.346.154 đồng.

Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 20/7/2022 cho đến khi Công ty X thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N có ông T là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017, Công ty X còn nợ gốc là 536.000.000, nợ lãi quá hạn là 386.563.870 đồng.

+ Theo Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017, Công ty X còn nợ gốc là 554.183.928 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.657.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 421.247.684 đồng.

Do đó, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa buộc Công ty X phải trả làm một lần cho Ngân hàng N (tạm tính đến hết ngày 30/9/2022) tổng số tiền là 1.906.653.323 *(Một tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi ba)* đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 1.090.183.928 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.657.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 807.811.554 đồng.

Ngoài ra, Công ty X còn phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ sau ngày 30/9/2022 cho đến khi Công ty X thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hai hợp đồng tín dụng nêu trên cũng như khế ước nhận nợ đã ký.

- Bị đơn Công ty TNHH X: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện bị đơn Công ty TNHH X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.]. Về thẩm quyền: Do Công ty TNHH X có trụ sở chính tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn Công ty TNHH X đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH X.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Xét, Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0034.KUNN.VIB604.17 ngày 03/7/2017 của Công ty X thể hiện: Công ty X có vay Ngân hàng N số tiền 672.000.000 (*Sáu trăm bảy mươi hai triệu*) đồng, với mục đích: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO. Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 04/7/2017 đến ngày 03/7/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng N tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,99%/năm, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng N tại từng thời kỳ. Trả số tiền vay gốc: Hàng tháng trả 8.000.000 đồng vào ngày 03; Trả tiền lãi: Hàng tháng vào ngày 3, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 03/8/2017; Trả tiền phí: theo quy định của Ngân hàng N từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 30/9/2022, Công ty X đã thanh toán cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 số tiền là 217.029.759 đồng (trong đó: nợ gốc là 136.000.000 đồng, lãi là 81.029.759 đồng).

Xét, Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0046.KUNN.VIB604.17 ngày 06/7/2017 của Công ty X thể hiện: Công ty X có vay Ngân hàng N số tiền 712.000.000 (*Bảy trăm mười hai triệu*) đồng, với mục đích: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET COLORADO. Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 07/7/2017 đến ngày 06/7/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 8,09%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng N tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,99%/năm, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chính sách của Ngân hàng N tại từng thời kỳ. Trả số tiền vay gốc: Hàng tháng trả 8.480.000 đồng vào ngày 03; Trả tiền lãi: Hàng tháng vào ngày 06, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 06/8/2017; Trả tiền phí: theo quy định của Ngân hàng N từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, tạm tính đến ngày 30/9/2022, Công ty X đã thanh toán cho Ngân hàng N số tiền là 231.467.956 đồng (trong đó: nợ gốc là 157.816.072 đồng, nợ lãi là 73.651.884 đồng).

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*."

Tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng..."*

Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc Bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi án của Tòa có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017 mà hai bên đã ký kết (tạm tính đến hết ngày 30/9/2022) số tiền là 1.906.653.323 *(Một tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi ba)* đồng, trong đó số tiền gốc là 1.090.183.928 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.657.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 807.811.554 đồng, là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần N:

Buộc Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2022 là 1.906.653.323 *(Một tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi ba)* đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.090.183.928 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.657.841 đồng, nợ lãi quá hạn là 807.811.554 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 0034.HĐTD.VIB604.17 ngày 30/6/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0046.HĐTD.VIB604.17 ngày 05/7/2017 cho đến khi Công ty TNHH X hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

Việc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 69.199.600 *(Sáu mươi chín triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm)* đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N số tiền 30.182.383 *(Ba mươi triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi ba)* đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006758 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Phượng